

5. Trường hợp bảo lãnh có liên quan đến yếu tố nước ngoài (bên nhận bảo lãnh hoặc bên được bảo lãnh là tổ chức, cá nhân nước ngoài), ngoài các điều kiện quy định tại khoản 1, 2, 3, 4 Điều này, khách hàng còn phải thực hiện các quy định về quản lý vay và trả nợ nước ngoài, cho vay và thu hồi nợ nước ngoài, quy định về quản lý ngoại hối và các quy định của pháp luật có liên quan khác.

6. Đối với trường hợp bảo lãnh hối phiếu, lệnh phiếu, khách hàng phải bảo đảm các điều kiện theo quy định của pháp luật về thương phiếu.”

3. Điều 14 được sửa đổi như sau:

“Điều 14. Đồng bảo lãnh

1. Việc đề xuất, phối hợp và quy trình tổ chức thực hiện đồng bảo lãnh được thực hiện theo quy định về đồng tài trợ của Ngân hàng Nhà nước.

2. Các tổ chức tín dụng tham gia đồng bảo lãnh cùng chịu trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh mà tổ chức tín dụng đầu môi đã phát hành cho bên nhận bảo lãnh, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác. Trường hợp khách hàng không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ đã cam kết với bên nhận bảo lãnh, tổ chức tín dụng đầu môi phát hành bảo lãnh có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh thay cho khách hàng. Các tổ chức tín dụng tham gia đồng bảo lãnh có trách nhiệm hoàn lại cho tổ chức tín dụng đầu môi số tiền tương ứng theo tỷ lệ tham gia đồng bảo lãnh mà các bên đã thỏa thuận.”

4. Điều 21 được sửa đổi như sau:

“Điều 21. Bảo đảm cho bảo lãnh

Tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận áp dụng hoặc không áp dụng các biện pháp bảo đảm cho bảo lãnh. Các hình thức bảo đảm cho bảo

lãnh bao gồm: ký quỹ, cầm cố tài sản, thế chấp tài sản, bảo lãnh bằng tài sản của bên thứ ba và các biện pháp bảo đảm khác theo quy định của pháp luật.”

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Tín dụng, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Giám đốc chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng Giám đốc (Giám đốc) các tổ chức tín dụng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước

LÊ ĐỨC THÚY

QUYẾT ĐỊNH của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước số 131/2003/QĐ-NHNN ngày 17/02/2003 về điều chỉnh lãi suất tái cấp vốn của Ngân hàng Nhà nước đối với các tổ chức tín dụng là ngân hàng.

THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG
NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 01/1997/QH10 ngày 12 tháng 12 năm 1997;

Căn cứ Nghị định số 86/2002/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2002 của Chính phủ quy định chức

09640508

www.ThuVienPhapLuat.com * Tel: +84-8-3845 6684 * LawFoot

năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách tiền tệ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay điều chỉnh mức lãi suất tái cấp vốn của Ngân hàng Nhà nước đối với các tổ chức tín dụng là 0,55%/tháng (6,6%/năm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2003 và thay thế Quyết định số 839/2001/QĐ-NHNN ngày 29 tháng 6 năm 2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc điều chỉnh lãi suất tái cấp vốn của Ngân hàng Nhà nước đối với các tổ chức tín dụng là ngân hàng.

Điều 3. Số dư nợ vay tái cấp vốn của các tổ chức tín dụng tại Ngân hàng Nhà nước đến cuối ngày 28 tháng 02 năm 2003 tiếp tục thực hiện theo lãi suất cho vay ghi trên kế ước, không điều chỉnh theo mức lãi suất quy định tại Điều 1 trên đây.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ngân hàng Nhà nước, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Giám đốc chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc (Giám đốc) các tổ chức tín dụng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. Thống đốc Ngân hàng
Nhà nước
Phó Thống đốc

PHÙNG KHẮC KẾ

THÔNG TƯ số 03/2003/TT-NHNN
ngày 24/02/2003 hướng dẫn về cho
vay không phải bảo đảm bằng tài
sản theo Nghị quyết số 02/2003/
NQ-CP ngày 17/01/2003 của Chính
phủ.

Căn cứ điểm 13 Mục III Nghị quyết số 02/2003/NQ-CP ngày 17/1/2003 của Chính phủ về một số chủ trương, giải pháp chủ yếu cần tập trung chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2003, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn thực hiện việc cho vay không phải bảo đảm bằng tài sản của tổ chức tín dụng đối với khách hàng vay như sau:

1. Các tổ chức tín dụng chủ động lựa chọn, quyết định và tự chịu trách nhiệm việc cho vay không phải áp dụng các biện pháp bảo đảm bằng tài sản theo quy định tại Nghị định số 85/2002/NĐ-CP ngày 25/10/2002, Nghị định số 178/1999/NĐ-CP ngày 29/12/1999 của Chính phủ về bảo đảm tiền vay của các tổ chức tín dụng và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

2. Đối với hợp tác xã, hộ nông dân và chủ trang trại chưa có đủ điều kiện để tổ chức tín dụng xem xét cho vay không có bảo đảm bằng tài sản theo quy định tại khoản 18 Điều 1 Nghị định số 85/2002/NĐ-CP ngày 25/10/2002 của Chính phủ, thì các tổ chức tín dụng được xem xét, quyết định và tự chịu trách nhiệm về cho vay không phải bảo đảm tài sản như sau:

a) Đối với hộ nông dân, chủ trang trại sản xuất nông, lâm, ngư, diêm nghiệp, mang tính sản xuất hàng hóa, có dự án đầu tư, phương án sản xuất, kinh doanh khả thi và nằm trong vùng đã được quy hoạch, đầu tư cơ sở hạ tầng, đã ký kết hợp đồng tiêu thụ sản phẩm với các doanh nghiệp,